

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **309/2021/KDTM-PT**

Ngày: 05/4/2021

V/v tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Ông Lê Công Toại;**

Các Thẩm phán: **Bà Hoàng Thị Bích Thảo;**

Bà Vũ Thị Hường.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Lương Thị Thu Trinh** - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà **Trần Thị Thúy Ái** - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 24 tháng 3 và ngày 05 tháng 4 năm 2021, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 08/2021/TLPT-KDTM ngày 21 tháng 01 năm 2021 về “tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 152/2020/KDTM-ST ngày 29 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân Quận A bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 937/2021/QĐ-PT ngày 08 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty Thanh Tuấn;

Địa chỉ trụ sở: 1/23 phường Bình An, Quận 2 (nay là thành phố Thủ Đức) Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện hợp pháp: Ông Lê Quang V; CMND số 024636559 do Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 18/10/2006 là đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền ngày 03/9/2019);

Địa chỉ liên lạc: 21/2 phường Tân Thuận Tây, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Công ty Quốc Tế;

Địa chỉ trụ sở: 140A phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện hợp pháp: Ông Đỗ Khôi N; CMND số 340262777 do Công an tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 18/12/2009 là đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền ngày 22/12/2017)

Địa chỉ: Số 132 phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người kháng cáo: Công ty Quốc Tế.

(Các đương sự có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm:

- Đại diện nguyên đơn trình bày:

Ngày 27/5/2010, Công ty Thanh Tuấn (sau đây gọi tắt nguyên đơn) và Công ty Quốc Tế (sau đây gọi tắt bị đơn) đã ký kết Hợp đồng kinh tế số 04/TT2010 (sau đây gọi tắt Hợp đồng 04). Theo hợp đồng, nguyên đơn (bên B) cung cấp cho bị đơn (bên A) cọc ván BTTA SW600 - L=14,16,18m (cọc rung xói nước) công trình cảng Phú Hữu với tổng giá trị là 8.112.000.000 đồng; bên A tạm ứng 10% giá trị hợp đồng sau khi hai bên ký kết hợp đồng để bên B triển khai mua vật tư sản xuất cọc và thanh toán 90% giá trị còn lại trước mỗi đợt nhận hàng; ngoài ra hợp đồng còn có các điều khoản về trách nhiệm của các bên và trách nhiệm do vi phạm hợp đồng.

Thực hiện hợp đồng, sau khi bị đơn tạm ứng 811.200.000 đồng vào ngày 02/6/2010, nguyên đơn đã giao đủ hàng và được bị đơn thanh toán cụ thể như sau:

Đợt 1, giao hàng ngày 18/6/2010, đã thanh toán 90% giá trị còn lại là 1.533.042.000 đồng vào ngày 06/7/2010;

Đợt 2, giao hàng ngày 02/7/2010, đã thanh toán 90% giá trị còn lại là 834.624.000 đồng vào ngày 03/8/2010;

Đợt 3, giao hàng ngày 08/7/2010, đã thanh toán 90% giá trị còn lại là 1.483.776.000 đồng vào ngày 26/8/2010;

Đợt 4, giao hàng ngày 08/9/2010, đã thanh toán 90% giá trị còn lại là 2.089.458.000 đồng;

Đợt 5, giao hàng 26/10/2010, giá trị 90% còn lại phải thanh toán là 1.318.194.000 đồng nhưng chỉ thanh toán 107.060.000 đồng.

Số tiền bị đơn còn phải thanh toán cho nguyên đơn là 1.206.500.000 đồng.

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán tiền hàng còn nợ là 1.206.500.000 đồng và tiền lãi chậm trả trên số tiền hàng còn nợ tính từ ngày 26/11/2011 đến ngày 26/9/2020 theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán, tạm tính là 1.400.000.000 đồng. Nguyên đơn sẽ xuất hóa đơn giá trị gia tăng cho khoản tiền hàng mà bị đơn thanh toán.

- Đại diện bị đơn trình bày:

Bị đơn thừa nhận nội dung trình bày của nguyên đơn về việc ký kết Hợp đồng 04, việc giao nhận hàng và thanh toán tiền là đúng.

Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn có ý kiến như sau:

- Đối với khoản tiền hàng của đợt 5, bị đơn không tranh chấp, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật;

- Đối với tiền lãi chậm trả, bị đơn không đồng ý thanh toán do nguyên đơn chưa hoàn thành nghĩa vụ theo hợp đồng để được thanh toán, cụ thể: Chưa bàn giao cho bị đơn các tài liệu về nguồn gốc vật liệu cọc; kết quả thí nghiệm, nén mẫu bê tông do phòng Las – XD97 của Công ty 620 thực hiện; chưa bàn giao hồ sơ hoàn công và chưa xuất hóa đơn giá trị gia tăng cho bị đơn.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 152/2020/KDTM-ST ngày 29 tháng 9 năm 2020, Tòa án nhân dân Quận A tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Buộc Công ty Quốc Tế thanh toán cho Công ty Thanh Tuấn các khoản tiền còn nợ của Hợp đồng kinh tế số 04/TT2010 ký ngày 27 tháng 5 năm 2010 gồm:

- Tiền hàng là 1.206.500.000 đồng;

- Tiền lãi do chậm thanh toán tính từ ngày 26/11/2011 đến ngày 26/9/2020 là 1.401.148.667 đồng;

- Tổng cộng là 2.607.648.667 đồng.

Công ty Thanh Tuấn có nghĩa vụ xuất hóa đơn giá trị gia tăng cho Công ty Quốc Tế trên số tiền hàng phải thanh toán.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán.

- Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí; quyền kháng cáo và việc thi hành án của các đương sự theo luật định.

- Ngày 06/10/2020 bị đơn nộp đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm; không đồng ý trả tiền lãi chậm thanh toán cho nguyên đơn vì trong quá trình thực hiện hợp đồng nguyên đơn chưa giao đầy đủ chứng từ cho bị đơn như hợp đồng hai bên đã ký kết nên chưa làm phát sinh nghĩa vụ thanh toán của bị đơn, quyết định của bản án sơ thẩm buộc bị đơn chịu lãi chậm thanh toán là không đúng. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa một phần bản án sơ thẩm, bác yêu cầu của nguyên đơn đòi tiền lãi chậm thanh toán.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Đại diện nguyên đơn: Giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Đại diện bị đơn: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo, sửa một phần bản án sơ thẩm, bác yêu cầu của nguyên đơn đòi tiền lãi chậm thanh toán.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh - Bà Trần Thị Thúy Ái - Kiểm sát viên, phát biểu có nội dung chính như sau: Nhận thấy Thẩm phán và Hội đồng xét xử phúc thẩm đã tuân thủ đúng thủ tục tố tụng, các đương sự thực hiện được quyền và nghĩa vụ tố tụng. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự thừa nhận nội dung trình bày của các đương sự được ghi nhận trong bản án sơ thẩm là đúng; trong giai đoạn phúc thẩm các đương sự nộp bổ sung tài liệu, chứng cứ giải trình thêm về quá trình ký kết và thực hiện hợp đồng. Xét, Tòa án nhân dân Quận A, thụ lý giải quyết *tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa*, giữa nguyên đơn với bị đơn là đúng trình tự, thủ tục thẩm quyền. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn nộp đơn kháng cáo trong thời hạn luật định nên đơn kháng cáo hợp lệ.

[2] Xét bản án sơ thẩm và yêu cầu kháng cáo của bị đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

- Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và sự thừa nhận của bị đơn, bản án sơ thẩm xác định bị đơn chưa thanh toán cho nguyên đơn khoản tiền hàng còn lại 1.206.500.000 đồng là có cơ sở và buộc bị đơn thanh toán cho nguyên đơn số tiền này là chính xác (bị đơn không kháng cáo phần này).

- Xét, yêu cầu kháng cáo của bị đơn không đồng ý trả tiền lãi chậm thanh toán cho nguyên đơn vì trong quá trình thực hiện hợp đồng nguyên đơn chưa bàn giao hồ sơ cho bị đơn theo thỏa thuận nên chưa làm phát sinh nghĩa vụ thanh toán.

Hội đồng xét xử xét thấy, căn cứ Hợp đồng 04 được ký kết bởi các bên có thẩm quyền. Tại Điều 6 của Hợp đồng 04 quy định: *Các thủ tục thanh toán gồm có:*

- *Hồ sơ hoàn công gồm biên bản nghiệm thu và bản vẽ hoàn công đúng tiêu chuẩn xây dựng theo Nghị định 209/2004/NĐ-CP ngày 16/12/2004.*

- *Biên bản xác nhận khối lượng đã được hai bên ký.*

- *Giấy đề nghị thanh toán của bên B.*

- *Hóa đơn GTGT theo mẫu của Bộ Tài chính.*

Xét, đến nay nguyên đơn vẫn chưa bàn giao cho bị đơn các tài liệu về nguồn gốc vật liệu cọc; kết quả thí nghiệm, nén mẫu bê tông do phòng Las-XD 97 của Công ty 620 thực hiện. Nguyên đơn bàn giao hồ sơ hoàn công cho bị đơn nhưng không đúng sự thỏa thuận của các bên theo Nghị định 209/2004/NĐ-CP

ngày 16/12/2004. Nguyên đơn chưa xuất và cung cấp hóa đơn thuế GTGT cho bị đơn theo thỏa thuận về điều kiện thanh toán.

Như vậy, nguyên đơn không thực hiện được đầy đủ hồ sơ cho bị đơn theo điều khoản hợp đồng mà các bên đã ký kết. Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 24/3/2021 Hội đồng xét xử đã tạm ngừng phiên tòa để nguyên đơn bổ sung hồ sơ cho bị đơn theo thỏa thuận của các bên tại Điều 6 của Hợp đồng 04 về “*các thủ tục thanh toán*” nhưng nguyên đơn không bổ sung được.

Như vậy, có cơ sở xác định trong quá trình thực hiện hợp đồng, nguyên đơn đã không thực hiện được đầy đủ nghĩa vụ bàn giao hồ sơ cho bị đơn. Bản án sơ thẩm xác định lỗi hoàn toàn thuộc bị đơn trong việc chậm thanh toán tiền hàng, từ đó buộc bị đơn thanh toán cho nguyên đơn toàn bộ tiền nợ còn lại 1.206.500.000 đồng và tiền lãi do chậm thanh toán là chưa chính xác, chưa xét đến lỗi của các bên. Tại Điều 4 Bộ luật Dân sự 2005 quy định: “*Quyền tự do cam kết, thỏa thuận trong việc xác lập quyền, nghĩa vụ dân sự được pháp luật bảo đảm, nếu cam kết, thỏa thuận đó không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội... Cam kết, thỏa thuận hợp pháp có hiệu lực bắt buộc thực hiện đối với các bên và phải được cá nhân, pháp nhân, chủ thể khác tôn trọng*”. Đối chiếu với quy định này thì nguyên đơn là người có lỗi do không thực hiện bàn giao đầy đủ hồ sơ, chứng từ cho bị đơn như hợp đồng hai bên đã ký kết nên chưa làm phát sinh nghĩa vụ thanh toán của bị đơn. Do đó, có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, sửa một phần bản án sơ thẩm; không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc đòi tiền lãi chậm thanh toán.

Do sửa một phần bản án sơ thẩm nên người kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm, được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí phúc thẩm và Hội đồng xét xử xác định lại án phí sơ thẩm cho các đương sự theo quy định.

Xét, việc sửa một phần bản án sơ thẩm, Tòa án cấp sơ thẩm không có lỗi vì trong giai đoạn phúc thẩm các đương sự nộp bổ sung tài liệu, chứng cứ giải trình về quá trình thực hiện hợp đồng nên được xem là có tình tiết mới tại cấp phúc thẩm. Các phần khác của bản án sơ thẩm không kháng cáo, kháng nghị đã phát sinh hiệu lực pháp luật Hội đồng xét xử phúc thẩm không xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 2 Điều 308; Khoản 2 Điều 148; Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ Điều 306 Luật Thương mại;
- Căn cứ Khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.
- Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn Công ty Quốc Tế; Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 152/2020/KDTM-ST ngày 29/9/2020 của Tòa án nhân dân Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. Cụ thể:

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn Công ty Thanh Tuấn.

Buộc Công ty Quốc Tế thanh toán cho Công ty Thanh Tuấn khoản tiền hàng còn nợ của Hợp đồng kinh tế số 04/TT2010 ký ngày 27 tháng 5 năm 2010 là **1.206.500.000** (*Một tỷ, hai trăm lẻ sáu triệu, năm trăm ngàn*) đồng; thi hành ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Công ty Thanh Tuấn có nghĩa vụ xuất hóa đơn giá trị gia tăng cho Công ty Quốc Tế trên số tiền hàng phải thanh toán.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án tại thời điểm thanh toán.

2. Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Công ty Thanh Tuấn đòi bị đơn Công ty Quốc Tế phải trả số tiền lãi do chậm thanh toán (tính từ ngày 26/11/2011 đến ngày 26/9/2020) là 1.401.148.667 (*Một tỷ, bốn trăm lẻ một triệu, một trăm bốn mươi tám ngàn, sáu trăm sáu mươi bảy*) đồng.

3. Án phí sơ thẩm:

- Công ty Quốc Tế phải chịu số tiền 48.195.000 (*Bốn mươi tám triệu, một trăm chín mươi lăm ngàn*) đồng; nộp tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

- Công ty Thanh Tuấn phải chịu số tiền 54.034.460 (*Năm mươi bốn triệu, không trăm ba mươi bốn ngàn, bốn trăm sáu mươi*) đồng; nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 29.214.960 đồng, theo Biên lai thu số AD/2010/06367 ngày 25/11/2011 của Chi Cục Thi hành án dân sự Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. Như vậy Công ty Thanh Tuấn còn phải nộp thêm số tiền 24.819.500 (*Hai mươi bốn triệu, tám trăm mười chín ngàn, năm trăm*) đồng, tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

4. Án phí phúc thẩm:

Công ty Quốc Tế không phải chịu án phí phúc thẩm; được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp 2.000.000 (*Hai triệu*) đồng, theo Biên lai thu tiền số AA/2019/0029865 ngày 14/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b

và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại TP HCM;
- VKSND cấp cao tại TP HCM;
- VKSND TP HCM;
- TAND Quận A;
- Chi cục THADS Quận A;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Công Toại